

Bản án số: 136/2019/HSPT

Ngày: 26-4-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông: Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 337/2018/HSPT ngày 16/10/ 2018. Do có kháng cáo của bị cáo, và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/QĐXXPT ngày 19 tháng 3 năm 2019.

- Bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1. **AT**, sinh ngày: 25/9/2000 tại tỉnh Kon Tum, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng 29 ngày; Nơi cư trú: thôn K1, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông AT3 sinh năm 1956 (đã chết) và bà YS sinh năm 1960; bị cáo có 08 chị em, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con thứ 07 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2017. Có mặt.

2. **AS**, tên gọi khác: Bin, sinh ngày 08/10/1998 tại Kon Tum. Nơi cư trú: thôn K1, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông AS2, sinh năm 1975 và bà YTh sinh năm 1980; bị cáo có 05 anh em, nhỏ nhất sinh năm 2006, bị cáo là con thứ lớn nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2017. Có mặt.

3. **AV**, tên gọi khác: A Vép, sinh ngày 17/4/2000 tại Kon Tum, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 8 tháng 06 ngày. Nơi cư trú: thôn K1, xã V1, thành phố K,

tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông AV2, sinh năm 1973 (đã chết) và bà YH sinh năm 1974; bị cáo có 07 anh em, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2017, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2017. Có mặt.

4.AN1, tên gọi khác: A Ngắt, sinh ngày 15/4/1998 tại Kon Tum. Nơi cư trú: thôn K1, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông AN2, sinh năm 1965 và bà YP sinh năm 1969; bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2017. Có mặt.

5.AT1, tên gọi khác: A Thôn, sinh ngày 02/11/1999 tại Kon Tum. Nơi cư trú: thôn K1, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông AT4, sinh năm 1970 và bà YH1 sinh năm 1974; bị cáo có 06 chị em, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2009, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2017. Có mặt.

6.AN, sinh ngày 01/4/1992 tại Kon Tum. Nơi cư trú: thôn Plei Tơ Nghĩa, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: thợ lắp ống nước; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông AN3, sinh năm 1952 và bà YN sinh năm 1955; bị cáo có 11 chị em, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 2000, bị cáo là con thứ 07 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2017. Có mặt.

7.AT2, tên gọi khác: A Thứ, sinh ngày 15/12/1995 tại Kon Tum. Nơi cư trú: thôn K2 1, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông AN4, sinh năm 1965 và bà YP1 sinh năm 1969; có vợ là YC và 01 con sinh năm 2016; bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2017. Có mặt.

8.YTN, sinh ngày 26/01/1997 tại Kon Tum. Nơi cư trú: thôn K2 1, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông YH2, sinh năm 1975 và bà YN1 sinh năm 1978; bị cáo có 02 anh em, nhỏ nhất sinh năm 2014, bị cáo là con lớn trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2017. Có mặt.

- **Người đại diện theo pháp luật của bị cáo AT:** Bà Y Sup, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: thôn K1, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- **Người bào chữa:** Luật sư Tạ Văn N – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum (bào chữa cho các bị cáo AT và AT2).

- **Bị hại:** Phan Đình T, sinh năm: 1988, đã chết.

- **Người đại diện theo pháp luật của bị hại:**

+ Ông Phan Đình V, sinh năm: 1960 (cha đẻ của bị hại Phan Đình T).

+ Bà Lê Thị Minh, sinh năm: 1962 (mẹ đẻ của bị hại Phan Đình T).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị Minh: Ông Phan Đình V.

Cùng trú tại: số nhà 06 đường P, phường Q, thành phố K. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh AN5, sinh năm: 1994, trú tại: thôn K1, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết T3, sinh năm 1991, trú tại: số nhà 327 đường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Công T1, sinh năm: 1993, trú tại: thôn A, xã S, huyện S1, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Anh Trần Thiện Thanh T2, sinh năm: 1980, trú tại: số nhà 213 đường Tr1, phường Q1, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Anh AV3, sinh năm 1991, trú tại: thôn K2, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Anh AS3, sinh năm 1996, trú tại: thôn K2, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Anh AK1, sinh năm 1996, trú tại: thôn K2, xã CH, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Anh AD, sinh năm 1995, trú tại: thôn K2 1, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Anh AT5, sinh ngày 23/02/2000, trú tại: thôn K2, xã V1, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

Người giám định: Ông Võ Minh Đ, nơi công tác: Trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 23/12/2017, AN1 cùng với AS1, AV1, và AK đi ra quán nhậu vỉa hè ở khu vực vòng xoay D, thành phố K. Khi tất cả vừa vào tới bàn định ngồi xuống thì AN1 bị hai nam thanh niên người Kinh (*không rõ nhân thân, lai lịch*) dùng tay đánh vào mặt nên cả bốn người bỏ chạy về quán CM trên đường H, phường Q, thành phố K. Tại quán CM, AN1 gặp AT, AV, AT1, AN, AT2, AS và một số người đang nhậu ở đây.

AN1 kể về việc mình bị hai nam thanh niên người Kinh đánh nên nhờ mọi người đi đánh lại. Sau đó, AN1 đi cùng AT1 về nhà AT1 lấy 4 con dao rựa, loại dao dùng đi làm rẫy, AT đi về nhà mình lấy một con dao tự chế (*dao dài 47 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 32,6cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao 3,5cm, cán dao dài 14,4cm được làm bằng kim loại màu trắng, quấn băng keo màu xanh, cán dao có đường kính 2,7cm*), AS về nhà bà ngoại lấy một con dao tự chế (*dao có một cạnh sắc, có mũi nhọn, cán dao bằng gỗ*) rồi tất cả quay lại quán CM. Tại đây, AT1 đưa cho AN1, AT2, AT mỗi người một con dao rựa, còn một con dao rựa AT1 cầm. Sau đó, AN1 điều khiển xe mô tô biển số 82H3-5044 chở AT1, AT2; AV điều khiển xe mô tô biển số 82H1-003.65 chở AT, AN; AS1 điều khiển xe 82B1-201.43 chở AS đi đến quán nhậu vỉa hè ở vòng xoay D tìm hai nam thanh niên đã đánh AN1 để đánh lại nhưng không gặp nên tất cả cất giấu dao ở thùng rác gần đó rồi vào quán ngồi nhậu. Lúc sau, YTN điều khiển xe mô tô biển số 82K7-8506 ra quán nhậu vỉa hè ở khu vực vòng xoay D, thành phố K để nhậu với bạn thì gặp nhóm của AT cũng ngồi nhậu ở gần đó. Trong quá trình nhậu AT cùng AS đi qua bàn YTN mời rượu. Lúc này, Phan Đình T đang ngồi nhậu cùng với Nguyễn Công T1, Trần Thiện Thanh T2, và Nguyễn Thị Tuyết T3 tại quán nhậu khác cũng thuộc khu vực vỉa hè ở vòng xoay D thì bất ngờ Phan Đình T đi qua bàn mà AT và AS đang ngồi uống rượu với YTN, dùng ghế nhựa đập một phát vào đầu AT làm chiếc ghế bị vỡ, mảnh nhựa văng trúng mặt YTN, liền lúc đó YTN đứng dậy cầm chiếc ghế nhựa đập một cái vào lưng Phan Đình T và dùng chân đá một phát vào lưng Phan Đình T, AS đẩy Phan Đình T ra, lúc này AN1 cũng lao vào dùng tay chân đánh Phan Đình T, AV dùng ghế nhựa và tay đánh vào đầu Phan Đình T, AT1 dùng bàn và ghế nhựa đập vào lưng Phan Đình T, AN lấy một chiếc ghế nhựa ném về phía Phan Đình T. Lúc này, AS, AT2 chạy ra chỗ đã cất dao trước đó lấy dao. Nguyễn Công T1 nghe thấy tiếng ồn ào, nhìn theo hướng Phan Đình T đi thì thấy Phan Đình T bị đánh nên chạy đến can ngăn nên cũng bị nhóm của AT đánh. Khi AT2 lấy được con dao tự chế, cán dao quấn băng keo màu xanh quay lại chém thì chém trúng vào tay phải Nguyễn Công T1 hai nhát và làm rơi dao xuống đất. Thấy vậy, AT liền nhặt con dao mà AT2 làm rơi lên, lúc này Phan Đình T đang đứng cúi người xuống, dùng hai tay ôm che đầu, AT dùng tay phải cầm dao, đâm liên tiếp hai nhát vào lưng Phan Đình T rồi rút dao ra. Phan Đình T bỏ chạy được vài bước thì ngã gục xuống đất. Khi AS cầm dao quay lại thì thấy có hai người thanh niên đang nằm dưới đất, AS cầm dao chém nhưng chém trúng vào tay AN1 làm lưỡi dao bị tuột rơi xuống đất, AS tiếp tục dùng tay trái cầm cán dao, tay phải nhặt lưỡi dao lên chém hai nhát vào lưng Phan Đình T rồi bỏ chạy về hướng chợ D và vứt cán dao gần đó. Nguyễn Công T1 đến can ngăn cũng bị đánh ngã nằm gần Phan Đình T. Sau đó, một số người đưa dao cho AT cầm rồi tất cả bỏ chạy về làng, AT đã cầm 04 con dao và 01 lưỡi dao đem về nhà mình cất giấu trên mái tôn; Phan Đình T và Nguyễn Công T1

được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum, Phan Đình T tử vong sau đó.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 136/TT-TTPY ngày 24/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum kết luận:

1. *Dấu hiệu chính qua giám định:* Vết thương gò má bên trái, kích thước (05x0,1) cm, bờ mép sắc gọn, mẻ xương gò má, hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải; Vùng bả vai trái có vết thương xước da, kích thước (1,2x0,3)cm; Vết thương lưng bên phải cạnh cột sống ngực số 05 (vết thương thứ 1), kích thước (03x0,8)cm, bờ mép sắc gọn, hướng từ sau ra trước, hơi chệch từ trên xuống dưới, từ phải sang trái; Vết thương lưng bên phải ở xương sườn 06 và 07, kích thước (05x1,2)cm, cách cột sống ngực 04cm, cách vết thương thứ 1 là 2,5cm, hướng thẳng từ sau ra trước, bờ mép sắc gọn; Vùng hố thận bên phải có vết xây xước da, kích thước (02x0,3) cm; Rạch da mở ngực mô cơ không thấy bầm tụ máu dưới da; Khoang lồng ngực hai bên nhiều máu; Vết thương thủng phổi phải, kích thước (03x01x05)cm; Phổi trái xung huyết bầm tím; Đứt cơ và gãy xương sườn số 6 bên phải ngay dưới vết thương thứ 2; Mở màng ngoài tim có máu, thấy vết rách màng ngoài tim ở mỏm tim; Kiểm tra cơ tim không thấy tổn thương, mở buồng tim không có máu.

2. *Nguyên nhân chết:* vết thương ngực thủng phổi phải + thủng màng ngoài tim.

Ngày 27/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Kon Tum có Quyết định trưng cầu giám định số 03/PC45 trưng cầu Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng yêu cầu giám định mẫu máu của Phan Đình T và Nguyễn Công T1 có phải là dấu vết màu nâu (*ngghi là máu*) để lại trên con dao mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ, niêm phong và gửi đi giám định không. Bản kết luận giám định số 911/C54C(Đ5) ngày 09/01/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại TP.Đà Nẵng kết luận: trên con dao có máu của Phan Đình T, không có máu của Nguyễn Công T1.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 19/TgT-TTPY ngày 02/02/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của từng vết thương tại thời điểm giám định: Vết thương gò má bên trái, kích thước (05x0,1)cm: 13%; Vết thương xước da vùng bả vai trái, kích thước (1,2x0,3)cm: 01%; Vết xây xước da ở vùng hố thận bên phải, kích thước (02x0,3) cm: 01%.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Ngày 24/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Kon Tum tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ tại hiện trường một con dao rựa dài 58,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29 cm, cán dao dài 29,5 cm; một cán gậy dài 28,5 cm; 01 đôi dép.

- Ngày 24/12/2017, AT đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Kon Tum 06 con dao, 01 lưỡi dao bao gồm:

+ Một con dao rựa dài 58 cm, cán dao làm bằng cây le dài 27,2 cm, đường kính 3 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30,8 cm, lưỡi dao cong, phần rộng nhất 5 cm.

+ Một con dao rựa dài 53 cm, cán dao làm bằng cây le dài 22,5 cm, tiết diện tròn, đường kính 3,5 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại mũi dao nhọn và cong, lưỡi dao dài 30,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao 4,5 cm.

+ Một con dao dài 47 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 32,6 cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 3,5 cm, cán dao dài 14,4 cm, cán dao được làm bằng kim loại màu trắng được quấn băng keo màu xanh, tiết diện cán dao có đường kính 2,7 cm. (Trên dao có chất màu nâu nghi là máu).

+ Một con dao rựa dài 72,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 31 cm, mũi dao nhọn và cong, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4,8 cm, cán dao dài 41,5 cm, cán dao làm bằng cây le, có tiết diện đường kính là 3 cm.

+ Một lưỡi dao bằng kim loại dài 40 cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao dài 5,3 cm.

+ Một con dao dài 62,3 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 32,6 cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4,8 cm, cán dao làm bằng cây gỗ dài 29,7 cm, tiết diện đường kính là 2,7 cm (con dao này không mang đi từ đầu, Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà AT).

+ Một con dao dài 43,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27 cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 3,5 cm, cán dao làm bằng cây le dài 16,5 cm, tiết diện đường kính là 3 cm (con dao này không mang đi từ đầu, Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà AT).

- 01(một) chiếc áo khoác màu đen, mặt trong của áo có dòng chữ “W WORTHINGTON PETITESTRETCH”.

- 01(một) xe mô tô biển số 82H1-003.65, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ đen kèm theo chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy số 016235 mang tên AV.số khung: C630BY425791, số máy: 5C63425838.

- 01 (một) xe mô tô biển số 77D1-029.35 kèm theo giấy đăng ký xe mô tô số 000256 mang tên Phạm Thế Vũ.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

1. Tuyên bố:

Bị cáo AT phạm tội “Giết người”.

Các bị cáo AV, AN1, AT1, AN, AT2, AS, YTN phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 68; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999;

1.Xử phạt: bị cáo AT **10 (mười)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 24/12/2017).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 245; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 68; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999;

2.Xử phạt: bị cáo AV **08 (tám)** tháng **16 (mười sáu)** ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 24/12/2017).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 245; điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

3.Xử phạt: bị cáo AN **08 (tám)** tháng **16 (mười sáu)** ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 24/12/2017).

Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Trả tự do cho các bị cáo AV, AN ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong một vụ án khác.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 245; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

4.Xử phạt: bị cáo AN1 **12 (mười hai)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 24/12/2017).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 245; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

5.Xử phạt: bị cáo AT1 **12 (mười hai)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 24/12/2017).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 245; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

6.Xử phạt: bị cáo AT2 **12 (mười hai)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 24/12/2017).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 245; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

7.Xử phạt: bị cáo AS **15 (mười lăm)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 24/12/2017).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 245; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

8.Xử phạt: bị cáo YTN **10 (mười)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 24/12/2017).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật, án phí quyền kháng cáo của bị cáo bị hại.

Sau khi án xử sơ thẩm: Ngày 14/9/2018, bị cáo AT kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 18/9/2018, bà Y Sup người đại diện theo pháp luật của bị cáo AT, ông Phan Đình V người đại diện theo pháp luật của người bị hại (Anh Phan Đình T đã chết) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo AT với lý do: Sau khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại toàn bộ số tiền (30 triệu đồng) theo quyết định của án sơ thẩm; khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, khai báo thành khẩn, hành vi của bị cáo là bột phát do có lỗi của người bị hại. Ngày 13/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định số 44/QĐ-VC2 kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là kháng nghị số 44) đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo hướng: “Hủy Bản án

hình sự sơ thẩm số để điều tra lại, làm rõ để xử lý đối với hành vi gây ra vết thương ở gò má trái của bị hại Phan Đình T.

Tại phiên tòa: Bị cáo, đại diện cho bị cáo, đại diện người bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 44, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng nghị, Hủy Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ để xử lý đối với hành vi gây ra vết thương ở gò má trái của bị hại Phan Đình T; Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi nghe: Bị cáo, đại diện của bị cáo, đại diện của người bị hại trình bày ý kiến về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để kết luận: Vào khoảng 21 giờ 30 ngày 23/12/2017 tại quán nhậu via hè vòng xoay D, thành phố K do bị Phan Đình T vô cớ dùng ghế nhựa đập vào đầu AT nên AT, AV, AN1, AT1, AN, AT2, AS, YTN đã có hành vi đánh nhau với Phan Đình T tại quán. Quá trình đánh nhau với nhóm của Phan Đình T thì: YTN cầm ghế nhựa đánh vào lưng của Phan Đình T; A Ngót dùng tay chân đánh Phan Đình T; AT1 dùng bàn và ghế nhựa đánh vào lưng Phan Đình T; AV dùng ghế nhựa và tay chân đánh Phan Đình T; Bị cáo AN lấy một chiếc ghế nhựa ném về phía Phan Đình T; A Tắc dùng dao chém trúng vào tay phải của Nguyễn Công T1 (nhóm của Phan Đình T) hai nhát; AS cầm dao chém trúng vào tay A Ngót và chém hai nhát vào lưng Phan Đình T. AT dùng dao đâm hai nhát vào lưng của Phan Đình T, dẫn đến hậu quả: Phan Đình T chết.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 136/TT-TTPY ngày 24/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum kết luận: Vết thương thủng phổi phải, kích thước (03x01x05)cm; Phổi trái xung huyết bầm tím; Đứt cơ và gãy xương sườn số 6 bên phải ngay dưới vết thương thứ 2; Mỏ màng ngoài tim có máu, thấy vết rách màng ngoài tim ở mỏm tim; Kiểm tra cơ tim không thấy tổn thương, mỏ buồng tim không có máu; *Nguyên nhân chết*: vết thương ngực thủng phổi phải + thủng màng ngoài tim.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 19/TgT-TTPY ngày 02/02/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của từng vết thương tại thời điểm giám định: Vết thương gò má bên trái, kích thước (05x0,1)cm: 13%; Vết thương xước da vùng bả vai trái, kích thước (1,2x0,3)cm: 01%; Vết xây xát da ở vùng hố thận bên phải, kích thước (02x0,3) cm: 01%.

Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã tuyên bố: Bị cáo AT phạm tội “ *Giết người* ”; các bị cáo: AV, AN1, AT1, AN, AT2, AS, YTN phạm tội “ *Gây rối trật tự công cộng* ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 93 và khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2]. Xét kháng nghị số 44/QĐ-VC2Ngày 04/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là kháng nghị số 44) đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo hướng: “ Hủy Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ để xử lý đối với hành vi gây ra vết thương ở gò má trái của bị hại Phan Đình T ” thì thấy: Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo là bột phát, nguyên nhân là do người bị hại cầm ghế đánh bị cáo AT trước nên mới xảy ra đánh nhau giữa 2 nhóm. Trong quá trình đánh nhau và theo kết quả giám định thì nguyên nhân bị hại Phan Đình T tử vong là do: “ *vết thương ngực thủng phổi phải + thủng màng ngoài tim* ”. Vết thương này chính do bị cáo AT gây ra nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “ *Giết người* ” là đúng người, đúng tội. Ngoài ra trên người bị hại còn có 3 vết thương cụ thể là: “ Vết thương gò má bên trái, kích thước (05x0,1)cm: 13%; Vết thương xước da vùng bả vai trái, kích thước (1,2x0,3)cm: 01%; Vết xây xát da ở vùng hố thận bên phải, kích thước (02x0,3) cm: 01% ”. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm không xác định được “ vết thương gò má bên trái, kích thước (05x0,1)cm: 13% ” là do ai gây ra nên tại Cáo trạng số 10/CT-VKSCT-P2 ngày 18/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum cũng đã xác định; “ Đối với vết thương gò má bên trái của Phan Đình T, hiện chưa xác định được đối tượng đã gây ra, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Kon Tum tiếp tục xác minh là rõ để xử lý theo quy định của pháp luật ”. Tại phiên tòa phúc thẩm, cũng không xác định được ai là người gây ra vết thương này; mặt khác theo Bản án sơ thẩm thì ông Võ Minh Đ- Giám định viên trình bày: “ Theo kết luận giám định thì vết thương thủng phổi và rách màng tim là nguyên nhân gây ra các chết, còn các vết thương khác là vết xây xát da, không gây ra cái chết và việc có thêm 03 vết thương này không làm cho bị hại chết nhanh hơn ”. Như đã xác định ở trên, trong vụ án này việc đánh nhau là hoàn toàn bột phát nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả của chính mình gây ra. Bị cáo AT dùng dao đâm chết anh Phan Đình T nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “ *Giết người* ” còn các bị cáo tham gia đánh nhau tại quán đã gây ra hậu quả nghiêm trọng nên bị truy tố và xét xử về tội “ *Gây rối trật tự công cộng* ” là đúng với hành vi của các bị cáo nên kháng nghị số 44/QĐ-VC2Ngày 04/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị “ Hủy Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ để xử lý đối với hành vi gây ra vết thương ở gò má trái của bị hại Phan Đình T ” là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của Bị cáo, đại diện cho bị cáo, đại diện người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố và xét xử về tội: “ Giết người ” theo tình tiết định khung tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Sau khi phạm tội, bị cáo khai báo thành khẩn và tác động cho gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại, đại diện người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo; Ngoài ra do khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên án sơ thẩm cũng đã áp dụng các Điều 68, 69, 74 và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo 10 năm tù là không nặng, đã tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm mặc dù bị cáo tiếp tục tác động cho gia đình bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho gia đình người bị hại nhưng cũng không làm giảm nhẹ trách nhiệm về hậu quả mà bị cáo đã gây ra nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, đại diện của bị cáo và đại diện của người bị hại Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng nghị số 44/QĐ-VC2 Ngày 04/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo AT và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo AT của bà Y Sup người đại diện theo pháp luật của bị cáo AT và ông Phan Đình V người đại diện theo pháp luật của người bị hại. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 68; Điều 69 và Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo AT 10 (mười) năm tù về tội: “ Giết người ”. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2017.

3. Án phí phúc thẩm:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo AT phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bà Y Sup người đại diện theo pháp luật của bị cáo AT có trách nhiệm nộp thay bị cáo.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo: AV, AN1, AT1, AN, AT2, AS, YTN và Quyết định về: Trách nhiệm dân sự; xử lý vật

chúng; án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện trưởng VKSND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Kon Tum;
- Văn phòng QCSĐT Công an tỉnh Kon Tum;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Kon Tum;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến